

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2025

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa;

Ông Đỗ Văn Mạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị LA Ah - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - H.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - H tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - H xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời giờ mở phiên tòa số: 08/TB-TA ngày 11 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn D, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1972, tại H. Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường D (nay là Tổ dân phố S, phường H), thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Minh (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); có vợ là Trần Thị S và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2025; có mặt.

2. Hoàng Văn V, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2000, tại H. Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường D (nay là Tổ dân phố S, phường H), thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D và bà Trần Thị S; có vợ là Bùi Thị Y và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2025; có mặt.

Bị hại: Ah Trịnh Văn H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường D (nay là Tổ dân phố B, phường H) thành phố H; có mặt.

Người làm chứng: Ah Vũ Văn T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18/11/2024, Hoàng Văn D đi xe đạp ra quán nước của ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973 tại khu vực sân bóng xã D, huyện N, thành phố H (nay là phường B, thành phố H) uống nước. Tại đây, D gặp ông A (chủ quán nước), Ah Vũ Văn T, sinh năm 1987 và Ah Trịnh Văn H, sinh năm 1973, đều trú tại xã D, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố H (nay là phường B, thành phố H). Trong quá trình uống nước, do D dựng xe dưới lề đường bị nhắc nhở nên D đã lời qua tiếng lại với Ah H. D bực tức đi xe về nhà lấy 01 chiếc búa (một đầu dạng rìu bằng kim loại có cán bằng gỗ dài khoảng 35cm) và đi sAg nhà con trai là Hoàng Văn V ở cạnh nhà D. Tại nhà của V, D kể cho V việc mâu thuẫn ngoài sân bóng và rủ V cùng ra sân bóng để nói chuyện. V điều khiển xe mô tô Airblade biển kiểm soát 15G1-240.61 chở D ra khu vực quán nước của ông A. Tại đây, sau khi V dừng xe, D nhảy xuống, tay phải cầm chiếc búa lao về phía bàn Ah H đAg ngồi, giơ búa lên chém về phía Ah H nhưng không trúng. Thấy vậy, Ah H lùi chạy ra sau, còn Ah T đứng dậy giữ D lại để cA ngăn. V dựng xe và lao về phía Ah T, T và V xảy ra xô xát nhưng sau đó dừng lại. D tiếp tục đuổi theo Ah H. Lúc này, V nhìn thấy bát điều bằng sứ hình trụ tròn, đường kính khoảng 15cm trên mặt bàn tại quán nước, V lấy bát điều ném về phía chân phải Ah H. Sau khi bị ném trúng, Ah H bỏ chạy về phía UBND xã D (nay là UBND phường B) nhưng sau đó do chân bị đau nên dừng lại. V và D đuổi đến nơi, thấy Ah H bị thương nên bỏ đi. Lúc này, lực lượng Công A xã D (nay là Công A phường B) có mặt, yêu cầu những người liên quA về trụ sở làm việc, Ah H được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện.

Cơ quA Công A khám nghiệm hiện T, thu giữ 01 chiếc búa bằng kim loại màu tối, cán gỗ và 01 bát điều bị vỡ thành 05 mảnh sành màu nâu, kích thước khác nhau, 01 lỗ điều bằng kim loại màu vàng.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 89/2025/KLTTCT-TTPYHP ngày 19/02/2025 của Trung tâm Pháp y H kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Ah Trịnh Văn H tại thời điểm giám định do gây 02 xương cẳng chân phải đã phẫu thuật, kết hợp xương chày phải, không ngắn chi, không tổn thương thần kinh và 04 vết phẫu thuật mặt trước cẳng chân phải là 23% (hai mươi ba phần trăm). Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Vật chứng vụ án: 01 búa bằng kim loại tối màu, kích thước (4x13)cm, cán gỗ dài 35cm; 05 mảnh sành màu nâu, kích thước khác nhau; 01 lỗ điều bằng kim loại màu vàng đồng, chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - H quản lý.

Về dân sự: Sau khi bị D và V gây thương tích, Ah H điều trị tại Bệnh viện Việt Tiệp và Bệnh viện Đại học Y. Nay, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng; gồm: Tiền điều trị tại Bệnh viện Việt Tiệp 30.000.000 đồng; điều trị tại Bệnh viện Đại học Y 180.000.000 đồng; tiền điều trị vật lý trị liệu 40.000.000 đồng; tiền mất thu nhập 225.000.000 đồng; tiền mất thu nhập của người chăm sóc 67.000.000 đồng; tiền chi phí mổ tháo nẹp cố định 50.000.000 đồng; tiền hồi phục sau phẫu thuật 100.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 118/CT-VKSKV1-HP ngày 23/7/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1- H truy tố các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn V về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và khai: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình các bị cáo nhiều lần đến gặp và thoả thuận với bị hại về việc bồi thường nhưng bị hại không đồng ý. Do đó, trước ngày xét xử, gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp một phần số tiền tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - H để bồi thường bị hại, khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Bị hại tại phiên toà, không có ý kiến bổ sung. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại là Ah Trịnh Văn H đã có đề nghị về việc yêu cầu các bị cáo D, V phải bồi thường số tiền như giai đoạn điều tra đã yêu cầu là 600.000.000 đồng. Do các giấy tờ hóa đơn bị hại đã bị mất trong khi di chuyển nên không nộp được cho Tòa xem xét và xử phạt các bị cáo theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - H giữ quyền công tố luận tội và trả lời: Giữ nguyên qua điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn D từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù; bị cáo Hoàng Văn V từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù đều về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc các bị cáo phải bồi thường các khoản tiền: Chi phí điều trị tại bệnh viện (có hoá đơn, chứng từ); chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại; chi phí bị mất, giảm sút thu nhập của người bị thiệt hại; chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại; chi phí bị mất, giảm sút thu nhập của người chăm sóc người bị

thiệt hại; căn cứ tỷ lệ tổn thương của bị hại, buộc các bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại theo quy định tại thời điểm xét xử.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu huỷ: 01 búa bằng kim loại tối màu, kích thước (4x13)cm, cán gỗ dài 35cm; 05 mảnh sành màu nâu, kích thước khác nhau; 01 lỗ điều bằng kim loại màu vàng đồng.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 22 giờ ngày 18/11/2024, tại sân bóng xã D, huyện Thủy Nguyên, thành phố H (nay là phường B, thành phố H), bị cáo Hoàng Văn D đã có hành vi dùng búa lao về phía Ah Trịnh Văn H chém nhưng không trúng, bị cáo Hoàng Văn V dùng bát điều bằng sứ hình trụ tròn ném về phía chân phải Ah Trịnh Văn H; hậu quả làm Ah Trịnh Văn H bị tổn thương cơ thể. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định các bị cáo đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về định khung hình phạt: Bị hại và các bị cáo D, V không có mâu thuẫn từ trước, nhưng vì mâu thuẫn nhỏ nhất phát sinh từ bị cáo D dẫn đến sự việc các bị

cáo đuổi, đánh bị hại, làm tổn hại sức khỏe của bị hại theo kết luận giám định là 23% nên các bị cáo phạm tội thuộc T hợp “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo V không được bàn bạc từ trước với bị cáo D, nhưng vì bệnh vực bố đẻ là bị cáo D nên V đã đuổi theo bị hại, dùng bát điều bằng sứ ném vào chân bị hại gây thương tích. Hành vi của bị cáo V thuộc T hợp “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D mặc dù không trực tiếp gây thương tích cho bị hại H nhưng vẫn phải chịu chung hậu quả về tỷ lệ thương tích do bị cáo V gây ra. Như vậy, các bị cáo D, V đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc T hợp quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự) như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị A.

[5] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc T hợp đồng phạm theo Điều 17 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Trước ngày xét xử, các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án để bồi thường một phần cho bị hại. Vì vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện tính đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nhưng tiếp nhận ý chí và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Nguyên nhân sự việc xảy ra xuất phát từ bị cáo D, nhưng V là người gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[8] Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp một phần tiền bồi thường cho bị hại; nhưng hành vi các bị cáo thực hiện có tính chất côn đồ, sử dụng hung khí nguy hiểm, trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và

trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 600.000.000 đồng, gồm các khoản: Tiền điều trị tại Bệnh viện Việt Tiệp 30.000.000 đồng; điều trị tại Bệnh viện Đại học Y 180.000.000 đồng; tiền điều trị vật lý trị liệu 40.000.000 đồng; tiền mất thu nhập của người bị thiệt hại trong thời gian điều trị 225.000.000 đồng; mất thu nhập của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị 67.000.000 đồng; chi phí mổ tháo nẹp cố định 50.000.000 đồng; tiền hồi phục sau phẫu thuật 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến thay đổi, bổ sung yêu cầu.

[9.1] Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí khám chữa bệnh có hoá đơn, chứng từ là: 61.917.532 đồng, có căn cứ chấp nhận (1).

Đối với chi phí bồi dưỡng sức khoẻ cho người bị thiệt hại, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 22 ngày x 180.000 đồng/ngày = 3.960.000 đồng (2).

Đối với chi phí bị mất, giảm sút của người bị thiệt hại, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 22 ngày x 180.000 đồng = 3.960.000 đồng (3).

Đối với chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 22 ngày x 300.000 đồng = 6.600.000 đồng (4).

Đối với chi phí bị mất, giảm sút của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 22 ngày x 180.000 đồng = 3.960.000 đồng (5).

Đối với khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại bị thương tích tỷ lệ 23% sức khoẻ nên buộc các bị cáo phải bồi thường bị hại về tổn thất tinh thần tương đương 15 lần mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử là phù hợp; cụ thể: 2.340.000 đồng/tháng x 15 tháng = 35.100.000 đồng (6).

[9.2] Từ phân tích như trên, các bị cáo phải liên đới bồi thường bị hại tổng số tiền là: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) = 61.917.532 đồng + 3.960.000 đồng + 3.960.000 đồng + 6.600.000 đồng + 3.960.000 đồng + 35.100.000 đồng = 115.497.532 đồng.

[9.3] Các bị cáo đã bồi thường 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000359 ngày 19/8/2025 tại Thi hành án dân sự khu vực 1 - H. Các bị cáo còn phải tiếp tục liên đới bồi thường bị hại số tiền 95.497.532 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc búa bằng kim loại tối màu, kích thước (4x13)cm, cán bằng gỗ dài 35cm; 05 mảnh sành màu nâu, kích thước khác nhau; 01 lỗ điều bằng kim loại màu vàng - đồng.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn D, Hoàng Văn V đồng phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31/3/2025.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31/3/2025.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn V phải liên đới bồi thường Ah Trịnh Văn H số tiền là: 115.497.532 (một trăm mười lăm triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi hai) đồng.

Các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn V đã bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0000359 ngày 19/8/2025 tại Thi hành án dân sự khu vực 1 - H. Các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn V còn phải liên đới bồi thường Ah Trịnh Văn H số tiền là: 95.497.532 (chín mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ah Trịnh Văn H cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc búa bằng kim loại tối màu, kích thước (4x13)cm, cán bằng gỗ dài 35cm và 05 (năm) mảnh sành màu nâu, kích thước khác nhau, kèm theo 01 (một) lỗ điều bằng kim loại màu vàng - đồng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2025 giữa Công A thành phố H và Thi hành án dân sự khu vực 1 - H).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Hoàng Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.387.438 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng số tiền án phí bị cáo Hoàng Văn D phải nộp là 2.587.438 (hai triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi tám) đồng.

Bị cáo Hoàng Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.387.438 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng số tiền án phí bị cáo Hoàng Văn V phải nộp là 2.587.438 (hai triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi tám) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trong T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến

Nơi nhận:

- TAD thành phố H;
- VKSND khu vực 1-H;
- VKSND thành phố H;
- Cơ quan CSĐT Công An TP H;
- Cơ quan THAHS Công An TP H;
- Trại Tạm giam số 1-Công An TP H;
- Phòng THSDA khu vực 1-H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- PV 06 Công An TP H;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến

- Trong T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.